

Số: /BC-SNN

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

I. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Khoản 1 Điều 111 Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2020 quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu hội đồng nhân dân, có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Khoản 1 Điều 10 và Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định: “1...Cơ quan chủ quản chương trình có thể tham khảo các biểu mẫu được ban hành tại phụ lục của Thông tư này để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc ban hành mẫu hồ sơ, thủ tục lựa chọn dự án dược liệu quý theo quy định” và “3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh nơi triển khai thực hiện dự án căn cứ vào hướng dẫn của từng địa phương đề nghị được hỗ trợ theo nội dung sau đây:...”.

- Thông tư 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai một số nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 quy định đơn vị được Ủy ban ban nhân dân cấp tỉnh giao là chủ trì nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý có trách nhiệm: “Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành biểu mẫu sử dụng trong lựa chọn dự án, nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo khoản 1,

Điều 40, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG”.

- Ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó, bao gồm một số nội dung sửa đổi như sau:

+ Tại khoản 11, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 20 có quy định: Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

+ Tại khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 21, Điều 22 có quy định mức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước đối với dự án, kế hoạch của địa phương, cụ thể: *Cơ quan phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

+ Tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

- Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các CT MTQG trên địa bàn tỉnh;

2. Căn cứ thực tiễn

a) Đối với dự án đầu tư, hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh về ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Sở Nông nghiệp và PTNT được UBND tỉnh giao vốn để thực hiện triển khai nội dung về đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý. Đồng thời, để chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch giai đoạn và hằng năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Trong đó, Sở Nông nghiệp và PTNT được giao chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

Ngày 19/12/2022, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền ban hành Thông báo số 77/TB-YDCT về kết quả làm việc về công tác khảo sát, đánh giá phát triển vùng trồng dược liệu quý tại tỉnh Bắc Kạn có đề nghị tỉnh Bắc Kạn nghiên cứu trình HĐND tỉnh ban hành bổ sung mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý vào nghị quyết đã ban hành đảm bảo tổ chức triển khai lựa chọn phù hợp với đặc thù của nhiệm vụ phát triển dược liệu và phù hợp theo quy định.

Tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-NĐND của HĐND tỉnh được ban hành, quy định chung nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh trong đó Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là một trong ba chương trình MTQG đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, việc áp dụng các trình tự, mẫu biểu để thực hiện Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý có sự khác biệt so với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cụ thể như sau:

- Về trình tự lựa chọn: Các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được lựa chọn theo trình tự quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND, theo đó căn cứ vào danh mục định hướng trung hạn được UBND tỉnh phê duyệt các chủ trì liên kết phối hợp với UBND cấp huyện khảo sát, xây dựng dự án và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện. Đồng thời, có thể có nhiều chủ trì liên kết thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cùng một thời điểm.

Đối với Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, thực hiện thông báo đến các tổ chức, cá nhân đề xuất dự án và tham gia làm chủ trì liên; trên cơ sở đề xuất, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh thẩm định, lựa chọn 01 dự án đạt yêu cầu để triển khai thực hiện. Theo đó, chỉ có 01 chủ thể tham gia thực hiện dự án.

- Về mẫu hồ sơ đề xuất dự án:

+ Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo hướng dẫn của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế thành phần hồ sơ đề xuất dự án gồm 07 mẫu, theo đó mẫu đề xuất dự án thực hiện theo mẫu B1.2 gồm 7 chương, các nội dung đề xuất thực hiện bao gồm kinh phí sự nghiệp và nguồn đầu tư công để thực hiện xây dựng hạ tầng phục vụ cho cả dự án.

+ Đối với các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 yêu cầu thực hiện theo 08 mẫu, theo đó mẫu đề xuất dự án gồm 3 phần, các nội dung đề xuất thực hiện sử dụng toàn bộ kinh phí nguồn sự nghiệp để thực hiện.

Do đó, việc sử dụng mẫu đã ban hành tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND để áp dụng đối với Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý là không phù hợp.

- Về nội dung hỗ trợ:

+ Đối với các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc chương trình MTQG phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND chỉ bao gồm các nội dung: Đào tạo tập huấn, chuyển giao, ứng dụng khoa học, vật tư, quảng bá xúc tiến thương mại, tư vấn xây dựng dự án, chi phí đăng ký nhãn hiệu,...*(sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp, không có tính chất đầu tư để thực hiện)*.

+ Đối với Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý các nội dung hỗ trợ để thực hiện dự án được quy định tại khoản 3, Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế, trong đó các hạng mục hạ tầng, máy móc thiết bị, hỗ trợ các khu ứng dụng công nghệ cao sử dụng nguồn vốn đầu tư để thực hiện, các hạng mục hỗ trợ giống, vật tư,.. sử dụng nguồn vốn sự nghiệp. Theo đó, tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn giao dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý giai đoạn 2021-2025 là 42.465,0 triệu đồng *(Nguồn vốn đầu tư phát triển: 30.170 triệu đồng, năm 2022 đã cấp 6.490 triệu đồng, năm 2023 đã cấp 8.733 triệu đồng; nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2022 đã cấp 3.385 triệu đồng, năm 2023 cấp 8.673 triệu đồng)*.

Căn cứ vào các nội dung trên, việc bổ sung quy định về nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ và trình tự thủ tục lựa chọn Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết. Do đó, việc ban hành Nghị quyết bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

b) Đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

- Thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tỉnh Bắc Kạn đã cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 về quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Tính đến hết 31/12/2022, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tổ chức triển khai thực hiện 32 dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó gồm 04 dự án cấp tỉnh và 28 dự án cấp huyện. Số dự án liên kết được nghiệm thu hỗ trợ là 31 dự án. Tổng kinh đã phân bổ để tổ chức thực hiện các dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là 31.500 triệu đồng. Trung bình

một (01) dự án được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 1.015 triệu đồng cho cả giai đoạn 3 năm.

Với chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, trong những năm qua lĩnh vực nông nghiệp đã có sự phát triển khá nhanh, hình thành được các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng hàng hóa; doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh đã bước đầu xây dựng được thương hiệu và nâng cao giá trị sản phẩm. Tuy nhiên, các liên kết sản xuất còn ở quy mô nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của tỉnh. Nguyên nhân, do các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh năng lực còn hạn chế, mặt khác mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh (*được thay thế bằng Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022*) còn thấp, chưa tạo động lực để cho các hợp tác xã phát triển sản xuất.

- Năm 2022-2023, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tổ chức triển khai thực hiện 409 danh mục các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là 110 dự án; Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là 299 dự án. Kinh phí đã phân bổ để thực hiện các dự án là 134.131,0 triệu đồng. Các dự án đã thẩm định và phê duyệt là 118 dự án, các dự án đã thẩm định chưa phê duyệt là 82 dự án, các dự án đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ thuyết minh là 209 dự án; đối với các dự án liên kết theo chuỗi giá trị mức đề nghị hỗ trợ dưới 2 tỷ đồng là 65 dự án, mức đề nghị hỗ trợ từ 2 - 5 tỷ đồng là 25 dự án, mức đề nghị hỗ trợ trên 5 tỷ đồng là 7 dự án.

Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã phê duyệt danh mục và phân bổ kinh phí thực hiện 165 dự án với tổng kinh phí là 93.512 triệu đồng. Trong đó, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gồm 54 dự án với tổng kinh phí là 58.180 triệu đồng; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là 35.332 triệu đồng.

Đối với 54 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị dự kiến nhu cầu kinh phí cho cả giai đoạn 3 năm là 122.675,5 triệu đồng. Trung bình một (01) dự án đề nghị hỗ trợ là 3.000 triệu đồng (*dự án có mức đề nghị hỗ trợ cao nhất là 8.000 triệu đồng, dự án có mức đề nghị hỗ trợ thấp nhất là 400 triệu đồng*).

Đối với 111 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng với tổng kinh phí đã phân bổ 35.332 triệu đồng. Trung bình một (01) dự án là 850 triệu đồng (*dự án có mức đề nghị hỗ trợ cao nhất là 1.500 triệu đồng, dự án có mức đề nghị hỗ trợ thấp nhất là 100 triệu đồng*).

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã phê duyệt danh mục và thực hiện 24 dự án liên kết theo chuỗi giá trị. Tổng nhu cầu kinh phí cho cả giai đoạn 3 năm là 22.049 triệu đồng. Trung bình một (01) dự án đề nghị hỗ trợ là 920 triệu đồng (*dự án có mức đề nghị hỗ trợ*

cao nhất là 2.200 triệu đồng, dự án có mức đề nghị hỗ trợ thấp nhất là 700 triệu đồng).

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022-2023 (Tiểu dự án 1, Dự án 3) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã phê duyệt danh mục và phân bổ kinh phí thực hiện 47 dự án, tổng kinh phí phân bổ là 22.666 triệu đồng (11 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, 36 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng). Trung bình một (01) dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá đề nghị hỗ trợ là 1.820 triệu đồng (*dự án có mức đề nghị hỗ trợ cao nhất là 3.500 triệu đồng, dự án có mức đề nghị hỗ trợ thấp nhất là 740 triệu đồng*); trung bình một (01) dự án hỗ trợ phát sản xuất cộng đồng có mức đề nghị hỗ trợ là 300 triệu đồng (*dự án có mức đề nghị hỗ trợ cao nhất là 500 triệu đồng, dự án có mức đề nghị hỗ trợ thấp nhất là 150 triệu đồng*).

Để đảm bảo công khai, minh bạch trong việc triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021- 2025 việc bổ sung nội dung hỗ trợ, tiêu chí lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, quy định về mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

- Xây dựng Nghị quyết bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-NĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh phù hợp với cơ sở pháp lý tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Quy định cụ thể mức hỗ trợ một (01) dự án, kế hoạch liên kết; mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng; nội dung hỗ trợ chi phí lựa chọn dự án, mô hình phát triển sản xuất; nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; tiêu chí lựa chọn dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Quan điểm

- Nghị quyết bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng bảo đảm tuân thủ theo quy định của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành, đảm bảo đúng thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch trong việc triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Theo quy định, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện các bước như sau:

- Căn cứ ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 13/TB-HĐND ngày 15/5/2023 kết luận phiên họp thường trực HĐND tỉnh tháng 5 (mở rộng); Thông báo số 15/TB-HĐND ngày 17/5/2023 dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ 14 (kỳ họp thường lệ giữa năm) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2025 về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung một số nội dung tại Điều 3, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-NĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 3009/UBND-TH ngày 18/5/2023 về việc rút kinh nghiệm và chuẩn bị nội dung cho các kỳ họp, trong đó giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, soạn thảo hồ sơ sự thảo Nghị quyết bổ sung một số nội dung tại Điều 3, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-NĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì soạn thảo hồ sơ dự thảo nghị quyết và xin ý kiến các Sở, ngành, địa phương; lấy ý kiến góp ý của các đối tượng chịu tác động; đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn; gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

- Trên cơ sở nội dung góp ý, báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo và trình UBND tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm tại Tờ trình số 123/TTr-SNN ngày 26/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Tuy nhiên, ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó, bao gồm một số nội dung sửa đổi như sau:

- Tại khoản 11, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 20 có quy định: Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

- Tại khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 21, Điều 22 có quy định mức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước đối với dự

án, kế hoạch của địa phương, cụ thể: *Cơ quan phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

- Tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và PTNT đã đề nghị UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương trình bổ sung nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Văn bản số 1555/SNN-KHTC ngày 04/7/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT*).

- Ngày 06/7/2023, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 4267/UBND-NNTNMT về việc đề nghị cho chủ trương trình bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh.

- Ngày 07/7/2023, Thường trực HĐND tỉnh đồng ý cho chủ trương trình bổ sung nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã soạn thảo hồ sơ dự thảo nghị quyết và ban hành văn bản xin ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương; xin ý kiến thẩm định Sở Tư pháp, xin ý kiến phản biện xã hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh theo quy định.

- Trên cơ sở nội dung góp ý của các sở, ngành, địa phương, báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, ý kiến phản biện xã hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo và trình UBND tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

IV. CÁC NỘI DUNG BỔ SUNG TẠI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bổ sung điểm g khoản 1 vào Điều 3:

“g) Dự án vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai một số nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.”.

* Giải trình nội dung hỗ trợ

- Đối với các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc chương trình MTQG phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND chỉ bao gồm các nội dung: Đào tạo tập huấn, chuyển giao, ứng dụng khoa học, vật tư, quảng bá xúc tiến thương mại, tư vấn xây dựng dự án, chi phí đăng ký nhãn hiệu,...*(sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp, không có tính chất đầu tư để thực hiện).*

- Đối với Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý các nội dung hỗ trợ để thực hiện dự án được quy định tại khoản 3, Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế, trong đó các hạng mục hạ tầng, máy móc thiết bị, hỗ trợ các khu ứng dụng công nghệ cao sử dụng nguồn vốn đầu tư để thực hiện, các hạng mục hỗ trợ giống, vật tư,.. sử dụng nguồn vốn sự nghiệp. Theo đó, tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn giao dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý giai đoạn 2021-2025 là 42.465,0 triệu đồng *(Nguồn vốn đầu tư phát triển: 30.170 triệu đồng, năm 2022 đã cấp 6.490 triệu đồng, năm 2023 đã cấp 8.733 triệu đồng; nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2022 đã cấp 3.385 triệu đồng, năm 2023 cấp 8.673 triệu đồng).*

Căn cứ vào các nội dung trên, việc bổ sung quy định về nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ và trình tự thủ tục lựa chọn Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết.

2. Bổ sung điểm h khoản 1, điểm g khoản 2, điểm h khoản 3 vào Điều 3:

“Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.”.

Nội dung trên được quy định tại khoản 11, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

3. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3:

“Điều 3a. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác nhưng tối đa không quá 5.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.”.

Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm

2025: “UBND cấp tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư các dự án gắn với sản phẩm chủ lực, đặc trưng và dự án, kế hoạch có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên huyện”.

Hiện nay, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư 04 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đang triển khai thực hiện, trong đó có 01 Dự án liên kết sản xuất và phát triển nông nghiệp gắn với tiêu thụ cây khoai tây thuộc Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ 5,067 tỷ đồng; 01 Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị lợn thịt bản địa thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Trần Phú huyện Na Rì với tổng kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ 4,188 tỷ đồng.

Theo tổng hợp số liệu thực hiện Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn số dự án liên kết thực hiện được hỗ trợ là 31 dự án với tổng số kinh phí là 31.500 triệu đồng. Trung bình một (01) dự án được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 1.015 triệu đồng cho cả giai đoạn 3 năm, nguồn vốn hỗ trợ như vậy còn thấp, chưa tạo động lực để cho các hợp tác xã phát triển sản xuất.

Đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, năm 2022-2023, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tổ chức triển khai thực hiện 409 danh mục dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Trong đó, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là 110 dự án; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là 299 dự án. Kinh phí đã phân bổ để thực hiện các dự án là 134.131,0 triệu đồng. Các dự án đã thẩm định và phê duyệt là 118 dự án, các dự án đã thẩm định chưa phê duyệt là 82 dự án, các dự án đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ thuyết minh là 209 dự án; đối với các dự án liên kết theo chuỗi giá trị mức đề nghị hỗ trợ dưới 2 tỷ đồng là 65 dự án, mức đề nghị hỗ trợ từ 2 - 5 tỷ đồng là 25 dự án, mức đề nghị hỗ trợ trên 5 tỷ đồng là 7 dự án.

Để phù hợp với nhu cầu đề xuất thực hiện dự án của chủ trì liên kết và tận dụng tối đa nguồn kinh phí được giao thì HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ tối đa không quá 5.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết là phù hợp.

4. Sửa đổi khoản 2, Điều 4:

“2. Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

a) Cơ quan được giao vốn thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

b) Lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên quan; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; dự kiến các rủi ro, giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); nội dung khác (nếu có).

c) Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết gửi (10 bộ) hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến đơn vị chủ trì dự án cấp huyện đối với dự án thuộc phạm vi cấp huyện, đến đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh đối với các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

Đơn vị chủ trì dự án cấp huyện/cấp tỉnh đề nghị UBND cùng cấp quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp cấp tỉnh thành lập Hội đồng) nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 12, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có); xem xét các định mức kinh tế, kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định.

Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định, Hội đồng thẩm định dự án thống nhất kết luận nêu rõ lý do trong biên bản thẩm định.

d) Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 03 ngày làm việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc người được ủy quyền) phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị cấp tỉnh thực hiện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

- Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiền độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).”.

Nội dung sửa đổi được quy định tại khoản 12, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

5. Bổ sung khoản 3, khoản 4 vào Điều 4:

“3. Mẫu hồ sơ đề xuất thực hiện dự án Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thực hiện theo Mẫu B1.1, B1.2, B1.3, B1.4, B1.5, B1.6, B1.7 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai một số nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

a) Mẫu hồ sơ trong quy trình lựa chọn dự án: Thực hiện theo mẫu B2.1, B2.2, B2.3, B2.4, B2.5, B2.6, B2.7, B2.8 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế.”

b) Thông báo tuyển chọn chủ trì liên kết thực hiện dự án dược liệu quý

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo tuyển chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển dược liệu quý theo Mẫu B2.1: Thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án dược liệu quý.

Thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án dược liệu quý được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi trực tiếp đến các tổ chức cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

c) Lập và gửi hồ sơ dự án

Các đơn vị chủ trì liên kết căn cứ thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án dược liệu quý, lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án và gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn. Số lượng bộ hồ sơ: 12 bộ hồ sơ trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp); 11 bộ hồ sơ còn lại photo có dấu đỏ của đơn vị chủ trì dự án và 01 bản điện tử ghi hồ sơ trên ổ USB (dạng PDF, không cài mật khẩu).

Thành phần hồ sơ gồm các mẫu biểu được quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết.

d) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ dự án, Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ. Kết quả mở hồ sơ được lập thành biên bản theo theo Mẫu B2.2: Biên bản mở hồ sơ dự án dược liệu quý.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp không có hồ sơ hợp lệ, không đủ điều kiện đánh giá để xem xét, quyết định việc thực hiện lại quy trình Thông báo tuyển chọn chủ trì liên kết thực hiện dự án dược liệu quý.

đ) Thành lập hội đồng và thẩm định lựa chọn dự án.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả mở hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi các hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện đánh giá và lập đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án.

- Hội đồng thẩm định dự án được thành lập trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Lãnh đạo sở ban ngành theo ủy quyền và các thành viên là Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đại diện các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, đại diện Ban dân tộc tỉnh, Lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án và chuyên gia độc lập (nếu có).

Cá nhân là người thuộc đơn vị chủ trì liên kết, thành viên liên kết, tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ cho dự án và cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện dự án không được tham gia Hội đồng thẩm định. Ủy ban nhân dân tỉnh cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng.

- Phương thức và Quy trình làm việc của Hội đồng thực hiện theo Mẫu B2.3: Phương thức, quy trình làm việc của Hội đồng lựa chọn thực hiện dự án.

e) Quyết định lựa chọn dự án

- Dự án được đánh giá Đạt yêu cầu khi có điểm trung bình tối thiểu là 65 điểm. Dự án được lựa chọn là dự án Đạt yêu cầu và có tổng số điểm đánh giá cao nhất.

- Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định và ý kiến chuyên môn của Bộ Y tế (*trường hợp cần thiết*), trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề xuất dự án đã được chỉnh sửa hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và PTNT trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo mẫu B2.8: Quyết định đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.”.

*** Giải trình nội dung bổ sung:**

- Về mẫu hồ sơ đề xuất dự án:

Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo hướng dẫn của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế thành phần hồ sơ đề xuất dự án gồm 07 mẫu, theo đó mẫu đề xuất dự án thực hiện theo mẫu B1.2 gồm 7 chương, các nội dung đề xuất thực hiện bao gồm kinh phí sự nghiệp và nguồn đầu tư công để thực hiện xây dựng hạ tầng phục vụ cho cả dự án.

Đối với các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 yêu cầu thực hiện theo 08 mẫu, theo đó mẫu đề xuất dự án gồm 3 phần, các nội dung đề xuất thực hiện sử dụng toàn bộ kinh phí nguồn sự nghiệp để thực hiện.

Do đó, việc sử dụng mẫu đã ban hành tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND để áp dụng đối với Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý là không phù hợp.

- Về trình tự lựa chọn:

Các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được lựa chọn theo trình tự quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND, theo đó căn cứ vào danh mục định hướng trung hạn được UBND tỉnh phê duyệt các chủ trì liên kết phối hợp với UBND cấp huyện khảo sát, xây dựng dự án và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện. Đồng thời, có thể có nhiều chủ trì liên kết thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cùng một thời điểm.

Đối với Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, thực hiện thông báo đến các tổ chức, cá nhân đề đề xuất dự án và tham gia làm chủ trì liên; trên cơ sở đề xuất, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh thẩm định, lựa chọn 01 dự án đạt yêu cầu để triển khai thực hiện. Theo đó, chỉ có 01 chủ thể tham gia thực hiện dự án.

6. Bổ sung nội dung chi tại điểm a khoản 1, bổ sung điểm h khoản 2 vào Điều 5:

“Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.”.

Nội dung trên được quy định tại khoản 11, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

7. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5:

“Điều 5a. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác nhưng tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án, phương án sản xuất thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.”.

*** Giải trình nội dung mức hỗ trợ:**

Trên địa bàn tỉnh đến thời điểm hiện nay thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là 298 dự án (gồm dự án 2, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 133 dự án, tiêu dự án 1, dự án 3, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 55 dự án; nội dung số 1, tiêu dự án 2, dự án 3, Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi là 110 dự án), qua tổng hợp khái toán, dự toán đã phê duyệt và thực tế tổ chức triển khai thực hiện của các địa phương thì đối với Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi, Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trung bình một (01) dự án là 850 triệu đồng (dự án có mức đề nghị hỗ trợ cao nhất là 1.500 triệu đồng, dự án có mức đề nghị hỗ trợ thấp nhất là 100 triệu đồng); đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, trung bình một (01) dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng có mức đề nghị hỗ trợ là 300 triệu đồng (dự án có mức đề nghị hỗ trợ cao nhất là 500 triệu đồng, dự án có mức đề nghị hỗ trợ thấp nhất là 150 triệu đồng).

Đề phù hợp với nhu cầu đề xuất thực hiện dự án, phù hợp với khả năng, năng lực, đáp ứng được quy mô do các tổ nhóm cộng đồng đề xuất, đảm bảo hỗ trợ có hiệu quả cho các tổ nhóm cộng đồng tham gia dự án phát triển sản xuất cộng đồng, tận dụng tối đa nguồn kinh phí được giao thì HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là phù hợp.

8. Bổ sung Điều 5b vào sau Điều 5:

“Điều 5b. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

- Rau, củ, quả, cây đặc sản, cây công nghiệp (Cam, quýt, hồng không hạt, mơ, dong riềng, bí xanh thơm, rau bồ khai, chuối,...);
- Gạo chất lượng;
- Chè (chè trung du, chè shan tuyết);
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm,...;
- Trồng rừng, cải tạo rừng trồng (lát, keo, mỡ, thông, hồi, quế,...);
- Sản phẩm từ các cây dược liệu.”.

*** Giải trình nội dung bổ sung tiêu chí:**

Tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định HĐND tỉnh phải quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng tiêu chí lựa chọn dự án được xây dựng dự trên căn cứ vào Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2732/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổng thể dược liệu tỉnh Bắc Kạn, Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về ban hành danh mục sản phẩm chủ lực tỉnh Bắc Kạn.

9. Sửa đổi khoản 2 Điều 6:

“2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng

a) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Xây dựng dự án, phương án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, phương án sản xuất, lập hồ sơ đề xuất theo mẫu quy định tại Khoản 1 Điều này.

c) Thẩm định dự án, phương án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; đại diện lãnh đạo các phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*hoặc phòng Kinh tế*), Tài chính - Kế hoạch và các phòng liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định dự án, phương án.

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); sự cần thiết thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); xem xét các định mức kinh tế, kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định.

Trường hợp dự án, phương án sản xuất hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất không đủ điều kiện theo quy định, Hội đồng thẩm định dự án thống nhất kết luận nêu rõ lý do trong biên bản thẩm định.

c) Phê duyệt dự án, phương án

Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ phải bao gồm: Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề

xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).”.

*** Giải trình nội dung bổ sung:**

Nội dung sửa đổi được quy định tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua: Tại kỳ họp thứ 14 (kỳ họp thường lệ tháng 7/2023) HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

Trên đây là Báo cáo thuyết minh hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-NĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các PGĐ Sở;
- Tổ XD NQ theo QĐ267;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Hà Sỹ Huân